



## BẢN TIN THỊ TRƯỜNG CHỨNG KHOÁN

### Phiên giao dịch 11/06/2025

#### DIỄN BIẾN CHUNG TOÀN THỊ TRƯỜNG

Thị trường giảm 0.08% với thanh khoản đạt 14.472,538 tỷ đồng. Nước ngoài bán ròng, tự doanh mua ròng. Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/06/2025 VN-Index giảm 1.03 điểm với thanh khoản dưới trung bình 20 phiên.

Sau phiên sáng giao dịch âm ảm đạm, thị trường chứng khoán Việt Nam ngày 11/6 đã trải qua một buổi chiều đầy biến động với nhiều cung bậc cảm xúc khi VN-Index liên tục đảo chiều, kết phiên chỉ giảm nhẹ.

Kết thúc phiên giao dịch ngày 11/06, VN Index giảm 1.03 điểm (-0.88%) xuống 1,315.20 điểm với 157 mã tăng, 68 mã đứng giá và 129 mã giảm điểm. HNX Index giảm 0.17 điểm (-0.08%) xuống 226.23 điểm với 63 mã tăng, 69 mã đứng giá và 71 mã giảm điểm. UPCoM Index giảm 0.15 điểm (-0.15%) xuống 98.04 điểm với 140 mã tăng 119 mã đứng giá và 113 mã giảm điểm.

Về nhóm ngành, độ mở thị trường khá cân bằng với 11/21 nhóm ngành đóng cửa sắc xanh. Công nghệ viễn thông, hóa chất và cảng biển là ba nhóm ngành tăng điểm mạnh nhất phiên giao dịch hôm nay. Ở chiều ngược lại, bất động sản khu công nghiệp, thực phẩm tiêu dùng và bất động sản là ba nhóm ngành chịu áp lực điều chỉnh mạnh nhất.

Dòng Thép: NKG (-0.77%), HSG (0.95%), HPG (-0.38%), SMC (0.00%), TLH (-0.95%),...

Dòng Chứng khoán: VND (-1.23%), SHS (-0.76%), CTS (-0.19%), VIX (0.76%), FTS (0.70%), SSI (0.64%)

Dòng Ngân hàng: TPB (1.53%), SHB (1.14%), CTG (0.40%), BID (-0.43%), VCB (-0.36%), VIB (-0.28%)

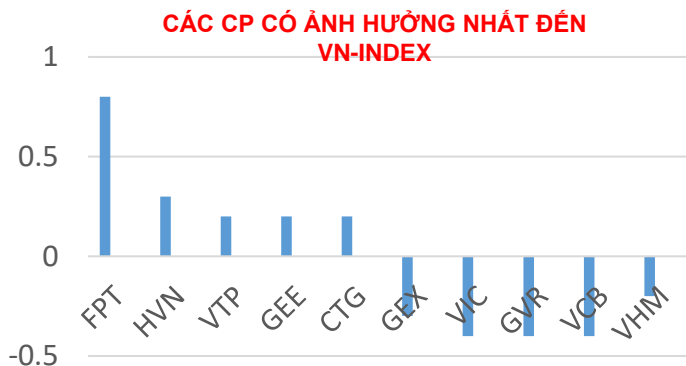
Dòng Dầu khí: PVT (2.66%), VIP (2.05%), PVS (0.31%), PVC (-2.02%), PET (-0.83%), PVB (-0.70%),...

Dòng BĐS: NVL (-3.14%), PDR (-2.25%), TCH (-1.50%), GVR (-1.42%), KDH (-1.35%), DXG (-1.27%),...

Phiên nay khối ngoại có phiên bán ròng với giá trị đạt -178.32 tỷ đồng. Trong đó HPG là cổ phiếu bị bán ròng mạnh nhất, giá trị đạt 116.97 tỷ đồng. Bên cạnh đó: CTG (76.22 tỷ), GEX (75.91 tỷ), STB (58.64 tỷ), VCB (21.53 tỷ), HAH (42.98 tỷ), VNM (32.58 tỷ),... là một số cổ phiếu cũng bị bán ròng phiên nay.

Bên cạnh đó, cổ phiếu được nhà đầu tư nước ngoài mua ròng mạnh nhất là FPT đạt 118.03 tỷ đồng. Ngoài ra, một số cổ phiếu khác cũng được mua ròng hôm nay như: SSI (87.72 tỷ), VIX (70.30 tỷ), DGW (68.13 tỷ), NLG (48.80 tỷ), EIB (46.86 tỷ), CTR (42.39 tỷ),...

| Thống kê thị trường | HOSE        | HNX        |
|---------------------|-------------|------------|
| Index               | 1,315.20    | 226.23     |
| % thay đổi          | ↓ -0.08%    | ↓ -0.08%   |
| KLGD (CP)           | 606,581,422 | 68,353,862 |
| GTGD (tỷ đồng)      | 14,472.54   | 1,214.67   |





## THỐNG KÊ GIAO DỊCH

### HOSE

#### Top 5 cổ phiếu có KLGD lớn nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | %     | KLGD       |
|-----|--------|----------|-------|------------|
| SHB | 13.15  | 13.30    | 1.14  | 49,394,100 |
| NVL | 14.35  | 13.90    | -3.14 | 26,186,000 |
| VIX | 13.20  | 13.30    | 0.76  | 23,927,500 |
| HPG | 26.20  | 26.10    | -0.38 | 16,548,100 |
| VND | 16.30  | 16.10    | -1.23 | 16,111,500 |

#### Top 5 cổ phiếu tăng giá nhiều nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-  | %    |
|-----|--------|----------|------|------|
| VTP | 115.00 | 123.00   | 8.00 | 6.96 |
| VPG | 8.05   | 8.61     | 0.56 | 6.96 |
| CTR | 90.80  | 97.10    | 6.30 | 6.94 |
| CTI | 22.40  | 23.95    | 1.55 | 6.92 |
| TEG | 5.93   | 6.34     | 0.41 | 6.91 |

#### Top 5 cổ phiếu giảm giá nhiều nhất

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-   | %     |
|-----|--------|----------|-------|-------|
| TDW | 61.80  | 57.80    | -4.00 | -6.47 |
| HRC | 33.05  | 31.00    | -2.05 | -6.20 |
| PNC | 25.40  | 24.10    | -1.30 | -5.12 |
| GEX | 35.65  | 34.00    | -1.65 | -4.63 |
| CCI | 22.15  | 21.20    | -0.95 | -4.29 |

### HNX

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | %     | KLGD       |
|-----|--------|----------|-------|------------|
| CEO | 17.90  | 18.00    | 0.56  | 23,375,400 |
| SHS | 13.20  | 13.10    | -0.76 | 9,585,200  |
| PVS | 32.40  | 32.50    | 0.31  | 5,170,300  |
| VFS | 25.30  | 27.00    | 6.72  | 3,105,700  |
| MBS | 26.70  | 26.70    | 0.00  | 1,626,400  |

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-  | %    |
|-----|--------|----------|------|------|
| DST | 7.50   | 8.20     | 0.70 | 9.33 |
| VMS | 21.00  | 22.90    | 1.90 | 9.05 |
| PPS | 11.50  | 12.50    | 1.00 | 8.70 |
| HOM | 4.00   | 4.30     | 0.30 | 7.50 |
| BCC | 7.10   | 7.60     | 0.50 | 7.04 |

| Mã  | Giá TC | Giá đóng | +/-   | %      |
|-----|--------|----------|-------|--------|
| VCM | 9.00   | 8.10     | -0.90 | -10.00 |
| TBX | 10.50  | 9.50     | -1.00 | -9.52  |
| HEV | 17.90  | 16.20    | -1.70 | -9.50  |
| PPE | 13.80  | 12.50    | -1.30 | -9.42  |
| POT | 16.10  | 14.80    | -1.30 | -8.07  |



## PHÂN TÍCH KỸ THUẬT



Trong phiên sáng ngày 11/06/2025, đà tăng tiếp tục được duy trì và VN-Index một lần nữa thử sức mốc 1.320 điểm, nhưng cũng giống như phiên hôm qua, lực cung lớn lại được tung ra đẩy chỉ số quay đầu, linh xình trong biên độ hẹp. Sự thận trọng của cả bên bán và bên mua khiến giao dịch của thị trường trầm lắng hơn so với phiên sáng hôm qua. VN-Index kết thúc phiên sáng với sắc xanh nhạt.

Bước sang phiên chiều, áp lực bán xuất hiện ngay từ đầu phiên khi áp lực đến từ nhóm vốn hóa lớn, thị trường cũng phân hóa khá mạnh khi mà chỉ tập trung ở những cổ phiếu đơn lẻ. Kết phiên thị trường giảm nhẹ, với mã tăng nhỉnh hơn chút so với mã giảm.

Xét về biểu đồ ngày, thị trường ngày 11/06/2025 thị trường giảm nhẹ với thanh khoản sụt giảm cho thấy sự thận trọng đang đẩy lên khá cao. Trên đồ thị ngày, chỉ số nằm dưới đường MA20 và MACD đã có một đỉnh đang hướng xuống. Thị trường ngắn hạn đang bị chi phối bởi nhóm cổ phiếu trụ nên có thể xuất hiện các nhịp rung lắc, điều chỉnh với hỗ trợ 1.300-1290 điểm. Dòng tiền có sự phân hóa và chỉ tập trung ở một số cổ phiếu đơn lẻ còn đa phần đều loanh quanh tích lũy đáy. Nên giai đoạn này NĐT nên chọn lọc kỹ cổ phiếu và chỉ mua khi có sự điều chỉnh về các vùng hỗ trợ, hoặc có sự rung lắc mạnh của thị trường.



## NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

Theo chúng tôi, thị trường ngày 11/06/2025 thị trường giảm nhẹ với thanh khoản sụt giảm cho thấy sự thận trọng đang đẩy lên khá cao. Trên đồ thị ngày, chỉ số nằm dưới đường MA20 và MACD đã có một đỉnh đang hướng xuống. Thị trường ngắn hạn đang bị chi phối bởi nhóm cổ phiếu trụ nên có thể xuất hiện các nhịp rung lắc, điều chỉnh với hỗ trợ 1.300-1290 điểm. Dòng tiền có sự phân hóa và chỉ tập trung ở một số cổ phiếu đơn lẻ còn đa phần đều loanh quanh tích lũy đáy. Nên giai đoạn này NĐT nên chọn lọc kỹ cổ phiếu và chỉ mua khi có sự điều chỉnh về các vùng hỗ trợ, hoặc có sự rung lắc mạnh của thị trường.

Tổng quan thị trường chung

Thị trường đang ở trạng thái Sideway.



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|---|
| SAB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 30/06/2025 | 1/7/2025   | 31/07/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 3,000 đồng/CP  |
| PTB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/06/2025 | 30/06/2025 | 18/07/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP  |
| BDB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 27/06/2025 | 30/06/2025 | 15/07/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 200 đồng/CP    |
| HPG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 26/06/2025 | 27/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 |
| CID   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 25/06/2025 | 26/06/2025 | 29/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |
| PGC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 25/06/2025 | 26/06/2025 | 29/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,100 đồng/CP    |
| BT1   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 25/06/2025 | 26/06/2025 | 10/7/2025      | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| PHS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 24/06/2025 | 25/06/2025 | 22/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 100 đồng/CP      |
| BLT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 24/06/2025 | 25/06/2025 | 11/7/2025      | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 820 đồng/CP      |
| PAC   | Thưởng cổ phiếu          | 23/06/2025 | 24/06/2025 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1                      |
| PAC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 23/06/2025 | 24/06/2025 | 15/07/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| VPS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 23/06/2025 | 24/06/2025 | 24/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 550 đồng/CP      |
| LAS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 23/06/2025 | 24/06/2025 | 23/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP    |
| DDV   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/06/2025 | 23/06/2025 | 18/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 900 đồng/CP      |
| VTE   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 20/06/2025 | 23/06/2025 | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 22.6 đồng/CP     |
| CSV   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/06/2025 | 20/06/2025 | 17/10/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| CDH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/06/2025 | 20/06/2025 | 27/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| TVM   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/06/2025 | 20/06/2025 | 15/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| HLC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/06/2025 | 20/06/2025 | 21/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 800 đồng/CP      |
| SFG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 19/06/2025 | 20/06/2025 | 18/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|---|
| KHS   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 19/06/2025 | 20/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 20:3   |
| THG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/06/2025 | 18/06/2025 | 23/07/2025     | Trả cổ tức đợt 3/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| THG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 17/06/2025 | 18/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:20 |
| SAC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/06/2025 | 18/06/2025 | 4/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 880 đồng/CP      |
| VOC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/06/2025 | 18/06/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| VNP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 17/06/2025 | 18/06/2025 | 18/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP    |
| CPC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 16/06/2025 | 17/06/2025 | 11/7/2025      | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,800 đồng/CP    |
| GDT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 16/06/2025 | 17/06/2025 | 27/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| DAD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 27/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP    |
| TRA   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 4/7/2025       | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP  |
| NTP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 25/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| DRC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 10/7/2025      | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 600 đồng/CP    |
| GND   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| TSA   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 13/06/2025 | 16/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5  |
| CQN   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 17/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| PHN   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 24/06/2025     | Trả cổ tức đợt 1/2025 bằng tiền, 2,000 đồng/CP  |
| MLC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 4/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,623.9 đồng/CP  |
| HDG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 13/06/2025 | 16/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10 |
| DNH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 13/06/2025 | 16/06/2025 | 16/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP      |
| CRC   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 13/06/2025 | 16/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:14 |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt  | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|------------|----------------|---|
| SBR   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 158 đồng/CP      |
| VIN   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 27/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP      |
| VEF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 4/7/2025       | Trả cổ tức năm 2025 bằng tiền, 30,000 đồng/CP   |
| VEF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 4/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 13,500 đồng/CP   |
| FPT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 20/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP  |
| DDN   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 12/6/2025  | 13/06/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:5  |
| NAP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 12/6/2025  | 13/06/2025 | 14/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 550 đồng/CP      |
| BFC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 27/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 2,500 đồng/CP  |
| DPG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 4/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| DPG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:60          |
| BSD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 15/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| BSI   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1   |
| HMD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP    |
| TVH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 15/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 4,100 đồng/CP    |
| VMS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 24/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 800 đồng/CP      |
| VCG   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:8  |
| REE   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:15 |
| SBM   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 11/6/2025  | 12/6/2025  | 27/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| DTP   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 1:1    |
| QHD   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 11/6/2025  | 12/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 5:1    |
| QNP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10/6/2025  | 11/6/2025  | 18/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,400 đồng/CP    |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt | Ngày thực hiện | Chi tiết                                       |
|-------|--------------------------|------------|-----------|----------------|--|
| VNF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10/6/2025  | 11/6/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   |
| GMA   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10/6/2025  | 11/6/2025 | 25/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP   |
| VDS   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 10/6/2025  | 11/6/2025 |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1  |
| PLX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10/6/2025  | 11/6/2025 | 24/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP   |
| HPT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 10/6/2025  | 11/6/2025 | 22/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP     |
| HNF   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP |
| FOX   | Thưởng cổ phiếu          | 9/6/2025   | 10/6/2025 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1                     |
| HNB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 22/07/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP     |
| PDB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   |
| BSL   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 10/7/2025      | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 700 đồng/CP     |
| MND   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 750 đồng/CP     |
| GTS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 10/7/2025      | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 900 đồng/CP     |
| TVD   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 24/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 800 đồng/CP     |
| SRC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 24/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 600 đồng/CP     |
| VNL   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 25/06/2025     | Trả cổ tức đợt 3/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP   |
| BHN   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 10/7/2025      | Trả cổ tức năm 2023 bằng tiền, 1,150 đồng/CP   |
| IMP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 9/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP     |
| SHB   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 20/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP     |
| PTS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP     |
| TCM   | Thưởng cổ phiếu          | 9/6/2025   | 10/6/2025 |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:10                  |
| PTX   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 9/6/2025   | 10/6/2025 | 24/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 2,400 đồng/CP   |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt | Ngày thực hiện | Chi tiết  |
|-------|--------------------------|------------|-----------|----------------|---|
| CMK   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 6/6/2025   | 9/6/2025  | 23/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| HMH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 6/6/2025   | 9/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| DM7   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 6/6/2025   | 9/6/2025  | 16/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 700 đồng/CP    |
| HLO   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 6/6/2025   | 9/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 4:1    |
| BMI   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 6/6/2025   | 9/6/2025  | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| NTH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 23/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |
| CAR   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 25/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| CAR   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 5/6/2025   | 6/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1   |
| DC2   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 8/7/2025       | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 200 đồng/CP      |
| DC2   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 5/6/2025   | 6/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3  |
| ICT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 20/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,000 đồng/CP    |
| NLS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 20/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,300 đồng/CP    |
| MGC   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 150 đồng/CP      |
| CSM   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 20/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP      |
| NLG   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 499 đồng/CP      |
| CTS   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 5/6/2025   | 6/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:43 |
| MKP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 16/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 500 đồng/CP      |
| VIH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 650 đồng/CP      |
| CLW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 5/8/2025       | Trả cổ tức đợt 1/2024 bằng tiền, 1,600 đồng/CP  |
| CC1   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 5/6/2025   | 6/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:11 |
| HVT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 5/6/2025   | 6/6/2025  | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP    |



## LỊCH CHỐT QUYỀN CỔ TỨC TỪ NGÀY 01 ĐẾN 30/06/2025

| Mã CK | Loại sự kiện             | Ngày GDKHQ | Ngày chốt | Ngày thực hiện | Chi tiết                                       |
|-------|--------------------------|------------|-----------|----------------|--|
| SBA   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4/6/2025   | 5/6/2025  | 25/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,500 đồng/CP   |
| DXG   | Thưởng cổ phiếu          | 4/6/2025   | 5/6/2025  |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:17                  |
| VSH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4/6/2025   | 5/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức đợt 3/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP   |
| DTH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4/6/2025   | 5/6/2025  | 26/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 400 đồng/CP     |
| THT   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4/6/2025   | 5/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 300 đồng/CP     |
| HPP   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 4/6/2025   | 5/6/2025  | 26/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 2,000 đồng/CP |
| DNW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 3/6/2025   | 4/6/2025  | 30/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,600 đồng/CP   |
| VWS   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 3/6/2025   | 4/6/2025  | 16/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2024 bằng tiền, 800 đồng/CP   |
| KGM   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 3/6/2025   | 4/6/2025  | 13/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 175 đồng/CP     |
| BHK   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2/6/2025   | 3/6/2025  | 25/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 900 đồng/CP     |
| TAW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2/6/2025   | 3/6/2025  | 27/06/2025     | Trả cổ tức đợt 2/2023 bằng tiền, 400 đồng/CP   |
| TAW   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2/6/2025   | 3/6/2025  | 27/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,200 đồng/CP   |
| VGL   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2/6/2025   | 3/6/2025  | 27/06/2025     | Trả cổ tức năm 2024 bằng tiền, 1,600 đồng/CP   |
| L40   | Thưởng cổ phiếu          | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 1:2                     |
| DC4   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 10:1  |
| AGR   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:6 |
| VSC   | Trả cổ tức bằng cổ phiếu | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Trả cổ tức năm 2024 bằng cổ phiếu, tỷ lệ 100:3 |
| VSC   | Thưởng cổ phiếu          | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 100:22                  |
| MSH   | Thưởng cổ phiếu          | 2/6/2025   | 3/6/2025  |                | Thưởng cổ phiếu, tỷ lệ 2:1                     |
| PPH   | Trả cổ tức bằng tiền mặt | 2/6/2025   | 3/6/2025  | 12/6/2025      | Trả cổ tức đợt 3/2024 bằng tiền, 500 đồng/CP   |



Tất cả những thông tin nêu trong bản tin này đều được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng (Haseco) không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin đề cập trong bản tin. Mọi quan điểm, phân tích, nhận định và khuyến nghị trong bản tin này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của Haseco. Báo cáo chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin tham khảo, không hàm ý khuyến NĐT nên mua, bán hay nắm giữ cổ phiếu.

## **Chịu trách nhiệm nội dung**

Phòng môi giới

Chuyên viên: Phạm Phú Trường

Chuyên viên: Đoàn Thu Trang

---

Mọi thông tin chi tiết vui lòng liên hệ:

## **Phòng môi giới – Công ty Cổ phần chứng khoán Hải Phòng**

### **Trụ sở chính tại Hải Phòng**

Số 7, lô 28A đường Lê Hồng  
Phong, Phường Đông Khê, Quận  
Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng  
Tel: (0225) 3 842.332/3 842.335  
Fax: (0225) 3 746.266/3 746.364  
Email: [haseco@haseco.vn](mailto:haseco@haseco.vn)  
Website: [www.haseco.vn](http://www.haseco.vn)

### **Chi nhánh Hà Nội**

Số 163 Bà Triệu, Quận Hai Bà  
Trung, Thành phố Hà Nội  
Tel: (024) 3574.7020  
Fax: (024) 3574.7019

### **Chi nhánh TP Hồ Chí Minh**

Số 328 Võ Văn Kiệt, Quận 1, TP.  
Hồ Chí Minh  
Tel: (028) 3920.7800/01/02  
Fax: (028) 3920.7825

---